

Số: 2720/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1506/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1972;

Địa chỉ thường trú: Số 36A đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 005.01, chung cư D, Số 02 đường F, phường g, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1961;

Địa chỉ thường trú: Số 40/16 đường M, Khu phố N, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 005.01, chung cư D, Số 02 đường F, phường g, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 22 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 22 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn X.

Quan hệ hôn nhân của bà L và ông X thuận tình ly hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 283, Quyền số 2, do Ủy ban nhân dân X cấp ngày 17/01/1998 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà L và ông X xác nhận trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Xuân Thụy V, sinh ngày 24/8/1994 và Nguyễn Xuân V1, sinh ngày 01/11/1995, vì các con chung đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2 Về tài sản chung: Bà L và ông X xác nhận không yêu cầu do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về nợ chung: Bà L và ông X xác nhận không có do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4 Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà L chịu toàn bộ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0024444 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 16 tháng 11 năm 2021. Hoàn lại cho bà L số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân X;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương